

**DỰ THẢO 1**

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung,  
mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Công văn số 13/HĐND-VP ngày 15/01/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính: *“Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Quy chế quản lý kinh phí khuyến công địa phương và quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”*, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 28/8/2024, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 64/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công (có hiệu lực thi hành từ ngày 18/10/2024). Theo đó, tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 64/2024/TT-BTC đã sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 9 của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau: *“Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”*. Như vậy, Thông tư số 64/2024/TT-BTC quy định thẩm quyền quyết định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công địa phương là của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở đó, nhằm hoàn thiện về chính sách hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh và đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng là hết sức cần thiết.

## II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

### 1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Quy định của Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý và bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trong việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Động viên và huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới.

Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp

nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người.

Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

## **2. Quan điểm xây dựng Dự thảo Nghị quyết**

Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với văn bản cấp trên, đồng thời phù hợp với tình hình ngân sách của địa phương và năng lực tổ chức thực hiện khi Nghị quyết được thông qua.

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; đồng thời, việc quy định về đối tượng, mức chi hỗ trợ được đảm bảo công bằng, công khai, theo hướng đơn giản thủ tục và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

### **2. Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

## **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện quy định của Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông

tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và được sự thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Công văn số 13/HĐND-VP ngày 15/01/2025). Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 213/UBND-TH ngày 17/01/2025 phân công Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và các hồ sơ kèm theo đúng quy định của pháp luật.

Sở Công Thương có Công văn số ...../SCT-QLCN ngày...../01/2025 gửi các Sở ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để lấy ý kiến đóng góp...

## **V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Bố cục của Dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết gồm có 06 Điều, như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;

Điều 2. Đối tượng áp dụng;

Điều 3. Nguồn kinh phí;

Điều 4. Nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công;

Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công;

Điều 6. Quản lý kinh phí khuyến công.

### **2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

3. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

#### **Điều 3. Nguồn kinh phí**

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

#### **Điều 4. Nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công**

1. Nội dung chi hoạt động khuyến công:

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công, trừ các hoạt động hỗ trợ khuyến công ngoài nước.

2. Mức chi chung của hoạt động khuyến công:

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo về khuyến công và giới thiệu, hướng dẫn kỹ thuật, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn áp dụng theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

b) Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn áp dụng theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

c) Chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua hội nghị, hội thảo, diễn đàn tại Việt Nam áp dụng theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Sóc Trăng, mức chi tổ chức hội nghị quốc tế tại tỉnh Sóc Trăng và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

d) Chi tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho giảng viên và cán bộ khuyến công áp dụng theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định mức chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi điểm m khoản 2 Điều 2 của Quy định mức chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQHĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

đ) Các mức chi chung của hoạt động khuyến công khác thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

2. Mức chi hoạt động khuyến công địa phương:

a) Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy

định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp (trường hợp chi phí thực hiện dưới 10 triệu đồng thì mức hỗ trợ bằng với chi phí thực hiện).

b) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật:

Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ bằng 30% chi phí nhưng không quá 1.000 triệu đồng/mô hình.

Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình (trường hợp chi phí thực hiện dưới 100 triệu đồng thì mức hỗ trợ bằng với chi phí thực hiện).

c) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ bằng 30% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình.

d) Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

đ) Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

e) Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh:

Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, cấp tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/lần đối với cấp huyện và 100 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh.

Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỷ niệm chương và tiền thưởng. Đạt giải cấp

huyện không quá 02 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp tỉnh không quá 04 triệu đồng/sản phẩm.

g) Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

h) Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

i) Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

k) Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp huyện và cấp tỉnh. Mức hỗ trợ bằng 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 35 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp huyện, 50 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp tỉnh.

l) Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí nhưng không quá 150 triệu đồng/cụm liên kết.

m) Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ bằng 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ trong 02 năm đầu nhưng không quá 500 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng phát triển Việt Nam.

n) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ bằng 30% chi phí, nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

o) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 30% chi phí, nhưng không quá 1.500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

p) Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí, nhưng không quá 500 triệu đồng/cụm công nghiệp.

q) Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 6.000 triệu đồng/cụm công nghiệp.

r) Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo:

Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

s) Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công: Mức chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công tối đa không quá 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

t) Chi quản lý chương trình đề án khuyến công:

Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công (riêng đề án ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, huyện nghèo theo quy định của Chính phủ được chi không quá 4%) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

u) Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên nhưng không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.

### **Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công**

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương phải đảm bảo các điều kiện như sau:

1. Nội dung phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4 và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công.

2. Nhiệm vụ, đề án được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện phê duyệt.

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).



4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thụ hưởng từ đề án khuyến công địa phương chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

5. Tổ chức dịch vụ khuyến công, tổ chức dịch vụ khác có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công (trừ các hoạt động do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện).

#### **Điều 6. Quản lý kinh phí khuyến công**

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

### **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn tài chính hợp pháp khác do huy động hoặc do lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của khuyến công.

Kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025 phê duyệt tại Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện.

#### **VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ): Không.**

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Sở Công Thương;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**